

THÔNG BÁO
V/v kết quả Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức năm 2019

Căn cứ tinh thần nội dung cuộc họp Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 ngày 21/5/2020 và kết quả chấm thi của Ban chấm thi Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức năm 2019.

Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 thông báo kết quả Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức năm 2019 như sau:

1. Kết quả thi Vòng 2:

(Đính kèm danh sách).

2. Các thí sinh có nhu cầu chấm phúc khảo làm đơn gửi về Thường trực Hội đồng tuyển dụng (Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng) trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày ban hành thông báo này đến hết ngày 04/6/2020.

Phí phúc khảo là **150.000** đồng/bài thi, nộp tại bộ phận Kế toán Sở Nội vụ tỉnh Sóc Trăng.

(Đính kèm mẫu Đơn phúc khảo).

Thông báo này được niêm yết tại trụ sở của Sở Nội vụ; đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Nội vụ, địa chỉ: <http://www.sonoivu.soctrang.gov.vn/>. *ksm*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở, ban ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Ban Giám sát;
- CTTĐT-SNV;
- Lưu: VT, TT.HĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Nguyễn Văn Sắc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤM PHÚC KHẢO

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019.

Tôi tên: Sinh ngày:

Vị trí việc làm dự tuyển:

Số báo danh: Phòng thi:

Sau khi biết kết quả Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức năm 2019, tôi đề nghị Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 chấm phúc khảo cho tôi bài thi môn Nghiệp vụ chuyên ngành.

Tôi xin đóng lệ phí chấm phúc khảo theo quy định. Trân trọng cảm ơn!

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2020

Thí sinh đề nghị chấm phúc khảo

(Ký và ghi rõ họ tên)

**KẾT QUẢ VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2020**

(Kèm theo Thông báo số 07/TB.HĐ-SNV ngày 21/5/2020 của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019)

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đổi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp, Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính: 07 người															
1	N1-001	Nhóm 1	Hồ Việt	Bình	11/11/1993		ấp 2, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			Vắng	Vắng	
2	N1-002	Nhóm 1	Nguyễn Thị	Gấm		17/8/1991	Hòa Quới, Xuân Hòa, Kế Sách, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			52	52	
3	N1-003	Nhóm 1	Lâm Tuấn	Khương	17/02/1992		Tân Qui A, Tân Hưng, Long Phú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			50	50	
4	N1-004	Nhóm 1	Nguyễn Thị Út	Nhi		10/9/1985	Tân Long, Ngã Năm, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			23	23	
5	N1-005	Nhóm 1	Huỳnh Thanh	Sang	22/12/1990		242 Lê Lợi, ấp Châu Thành, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			50	50	
6	N1-006	Nhóm 1	Cao Thanh	Thảo		01/02/1988	36 Nguyễn Huệ, khóm 1, phường 1, TX. Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			27	27	



TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
7	N1-007	Nhóm 1	Nguyễn Đức	Thịnh	17/11/1989		210 Mỹ Tây B, Mỹ Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính hành chính - sự nghiệp	Phòng Quản lý Ngân sách và Tài chính Hành chính sự nghiệp, Sở Tài chính	Chuyên viên (mã số 01.003)			32	32	
II Kế toán, Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Châu Thành: 01 người																
1	N1-008	Nhóm 1	Trần Văn	Tỵ	21/10/1989		Mỹ Tân, Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Kế toán	Phòng Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)			56	56	
III Kế toán, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành: 05 người																
1	N1-009	Nhóm 1	Kiên Hoàng	Hưng	11/01/1990		Phước An, Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Khmer	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)	Dân tộc thiểu số	5	36	41	
2	N1-010	Nhóm 1	Phạm Hồng Diễm	Phượng		25/12/1995	Phước Lợi, Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Kinh	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)			41	41	
3	N1-011	Nhóm 1	Nguyễn Phương	Thảo		03/12/1996	Mương Khai, Mỹ Hương, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)			18	18	
4	N1-012	Nhóm 1	Quách Viên	Thu		29/3/1991	Tân Hòa C, Long Hưng, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)			34	34	
5	N1-013	Nhóm 1	Trần Mỹ	Tú	25/3/1982		Thạnh Thới Thuận, Trần Đề, Sóc Trăng	Kinh	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Châu Thành	Kế toán viên (mã số 06.031)			16	16	
IV Kế toán, Phòng Nội vụ, UBND huyện Mỹ Xuyên: 03 người																

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
1	N1-014	Nhóm 1	Quách Huỳnh	Nhật	11/01/1983		Kinh Xáng, khóm 4, phường 8, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Hoa	Kế toán	Phòng Nội vụ, UBND huyện Mỹ Xuyên	Kế toán viên (mã số 06.031)	Dân tộc thiểu số	5	37	42	
2	N1-015	Nhóm 1	Danh Chí	Phong	16/5/1991		Quốc lộ 1A, khóm 3, phường 10, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Khmer	Kế toán	Phòng Nội vụ, UBND huyện Mỹ Xuyên	Kế toán viên (mã số 06.031)	Dân tộc thiểu số	5	35	40	
3	N1-016	Nhóm 1	Trần Đức Tổ	Quyên		12/02/1993	63/7 Nguyễn Văn Thềm, khóm 6, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Hoa	Kế toán	Phòng Nội vụ, UBND huyện Mỹ Xuyên	Kế toán viên (mã số 06.031)	Dân tộc thiểu số	5	50	55	
V	Quản lý tài chính - ngân sách, Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Trần Đề: 02 người															
1	N1-017	Nhóm 1	Lê Thị Hồng	Giang		20/11/1986	Sóc lèo, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý tài chính - ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Trần Đề	Chuyên viên (mã số 01.003)			52	52	
2	N1-018	Nhóm 1	Lữ Thị Mai	Thanh		06/5/1987	khóm 1, phường 1, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Hoa	Quản lý tài chính - ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND huyện Trần Đề	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	32	37	
VI	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc, Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc: 13 người															
1	N6-019	Nhóm 6	Phạm Lâm Kim	Anh		18/3/1990	Khu đô thị 5A, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	54	59	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đổi tương ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
2	N6-020	Nhóm 6	Trần Ngọc	Anh		30/9/1994	Bưng Cóc, Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	43	48	
3	N6-021	Nhóm 6	Cao Thạch Pha Ny	Đa		25/8/1995	Trường Thành B, Trường Khánh, Long Phú, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	46	51	
4	N6-022	Nhóm 6	Lý Minh	Hồng	08/02/1995		Tâm Lộc, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	65	70	
5	N6-023	Nhóm 6	Lý Thị Bé	Hương		05/01/1995	Đại Úi, Phú Mỹ, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	59	64	
6	N6-024	Nhóm 6	Diệp Thị Thảo	Lan		14/8/1994	Đại Thành, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	63	68	
7	N6-025	Nhóm 6	Thạch Thị Song	Lanh		11/11/1996	Trần Minh Quyền, Ngọc Tổ, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	52	57	
8	N6-026	Nhóm 6	Thạch Thị Tuyết	Ngân		25/5/1992	Đào Viên, Thạnh Quới, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	53	58	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
9	N6-027	Nhóm 6	Hứa Thạch Thanh	Nhã		27/10/1991	Phước Thuận, Phú Tân, Châu Thành, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	55	60	
10	N6-028	Nhóm 6	Trần	Sung	01/01/1992		Bưng Triết, Liêu Tú, Trần Đề, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	30	35	
11	N6-029	Nhóm 6	Tạ Mỹ	Thi		26/8/1991	Thanh Lợi, Mỹ Xuyên, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Hoa	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	66	71	
12	N6-030	Nhóm 6	Kim Sa	Thi	01/01/1989		Sở Tại A, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	53	58	
13	N6-031	Nhóm 6	Tăng Văn	Tư	1994		Nhuệ Tứ A, Hàm Giang, Trà Cú, Trà Vinh	Khmer	Theo dõi thực hiện chính sách dân tộc	Phòng Chính sách dân tộc, Ban Dân tộc	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	39	44	
VII Quản lý đăng ký đất đai, Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường: 07 người																
1	N2-032	Nhóm 2	Nguyễn Thị Ngọc	Hân		06/9/1997	Vĩnh Phong, Vĩnh Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			43	43	
2	N2-033	Nhóm 2	Trần Thị Tuyết	Hương		27/9/1995	Đại Thành, Đại Tâm, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	25	30	

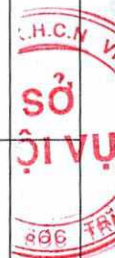
TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
3	N2-034	Nhóm 2	Trần Dương Mỹ	Ngân		24/4/1995	ấp 5, thị trấn Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			52	52	
4	N2-035	Nhóm 2	Tô Vũ	Phát	07/11/1995		805 Phạm Hùng, khóm 7, phường 8, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Hoa	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	40	45	
5	N2-036	Nhóm 2	Trần Tấn	Phúc	19/01/1994		Lợi Đức, Long Đức, Long Phú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			45	45	
6	N2-037	Nhóm 2	Nguyễn Minh	Thư		30/4/1995	Ngãi Hội 2, Đại Ngãi, Long Phú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			30	30	
7	N2-038	Nhóm 2	Phạm Thị Thu	Tiến		19/7/1997	53/11 Trần Bình Trọng, khóm 1, phường 2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đăng ký đất đai	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			42	42	
VIII Thẩm định giá đất, Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường: 02 người																
1	N2-039	Nhóm 2	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		09/9/1995	254 Ninh Thới, Thới An Hội, Kế Sách, Sóc Trăng	Kinh	Thẩm định giá đất	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			22	22	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
2	N2-040	Nhóm 2	Nguyễn Ngọc	Ty		20/01/1994	Mỹ Tây B, Mỹ Quới, Ngã Năm, Sóc Trăng	Kinh	Thẩm định giá đất	Chi cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên (mã số 01.003)			55	55	
IX Quản lý môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu: 12 người																
1	N2-041	Nhóm 2	Ngô Hoàng	Dện	05/11/1987		206 Đồng Khởi, khóm 2, phường 1, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)	Con thương binh	5	57	62	
2	N2-042	Nhóm 2	Sơn Thị Cẩm	Hường		31/12/1993	407/8 Bò Đề, Kế Thành, Kế Sách, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	44	49	
3	N2-043	Nhóm 2	Võ Thị Như	Huỳnh		19/8/1994	Nguyễn Út, Hòa Đông, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			40	40	
4	N2-044	Nhóm 2	Lê Hoàng	Khan	24/6/1997		Mỹ Lợi B, Mỹ Tú, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			27	27	
5	N2-045	Nhóm 2	Nguyễn Duy	Khang	29/7/1993		Tà Điep C1, Thạnh Trị, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			39	39	
6	N2-046	Nhóm 2	Thạch Thái Bảo	Quang	10/02/1996		135/201 Hùng Vương, phường 6, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	60	65	



TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đôi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
7	N2-047	Nhóm 2	Son Thị Ngọc	Quyền		10/11/1997	Hội Trung, Lịch Hội Thượng, Trần Đề, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	58	63	
8	N2-048	Nhóm 2	Trần Trọng	Tính	28/02/1997		Tân Thành A, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			56	56	
9	N2-049	Nhóm 2	Nguyễn Vĩnh	Toàn	15/5/1988		An Định, Kế Sách, Kế Sách, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			38	38	
10	N2-050	Nhóm 2	Trương Tuyết	Trinh		02/8/1996	Rạch Sên, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	43	48	
11	N2-051	Nhóm 2	Trương Hoàng	Vũ	19/10/1996		168 Hòa Thượng, Ngọc Đông, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			60	60	
12	N2-052	Nhóm 2	Nguyễn Hải	Yến		29/10/1997	Cầu Đồn, Huỳnh Hữu Nghĩa, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Vĩnh Châu	Chuyên viên (mã số 01.003)			28	28	
X	Quản lý đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Tú: 04 người															
1	N2-053	Nhóm 2	Nguyễn Văn	Chiến	16/7/1993		Kinh Mới, An Ninh, Châu Thành, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	18	23	
2	N2-054	Nhóm 2	Ngô Thị Kiều	Oanh		01/01/1995	Trà Côi A, Mỹ Hương, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			40	40	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
3	N2-055	Nhóm 2	Huỳnh Thanh	Phong	21/7/1997		Trà Quýt, Châu Thành, Châu Thành, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			45	45	
4	N2-056	Nhóm 2	Võ Đình	Thắng	24/02/1997		Châu Quới, Châu Phú B, Châu Đốc, An Giang	Kinh	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			47	47	
XI Quản lý chính sách người có công, Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 07 người																
1	N5-057	Nhóm 5	Dương Thúy	An		20/01/1995	Hòa Bình, Hòa Tú 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)			51	51	
2	N5-058	Nhóm 5	Hà Ngọc	Ánh		13/02/1996	129/26/17 Nguyễn Đình Chiểu, khóm 2, phường 4, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	35	40	
3	N5-059	Nhóm 5	Trương Thị Tú	Duyên		03/6/1990	804 Quốc lộ 1, khóm 7, phường 2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)			42	42	
4	N5-060	Nhóm 5	Nguyễn Thị Chúc	Ngoan		12/02/1987	453 khóm Vĩnh Thành, Vĩnh Phước, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)			50	50	
5	N5-061	Nhóm 5	Phạm Thị Ngọc	Trân		19/7/1997	ấp 6, Ba Trinh, Kế Sách, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)			51	51	



TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đôi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
6	N5-062	Nhóm 5	Huỳnh Hiếu	Trung	13/6/1992		82 Hồ Nước Ngọt, phường 5, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)			50	50	
7	N5-063	Nhóm 5	Bùi Hải	Vân	09/10/1995		135/10 Hùng Vương, khóm 1, phường 6, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Quản lý chính sách người có công	Phòng Người có công, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Chuyên viên (mã số 01.003)	Con thương binh loại A	5	44	49	
XII	Công nghệ thông tin, Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Mỹ Xuyên: 03 người															
1	N3-064	Nhóm 3	Nguyễn Bá	Khang	02/9/1994		202 Dương Minh Quang, Khóm 8, Phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Mỹ Xuyên	Chuyên viên (mã số 01.003)			80	80	
2	N3-065	Nhóm 3	Mai Thanh	Minh	06/4/1990		Khu 1, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Mỹ Xuyên	Chuyên viên (mã số 01.003)			87	87	
3	N3-066	Nhóm 3	Huỳnh Lê Đoàn	Trang		22/10/1990	Tà Điếp C1, Thạnh Trị, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ thông tin	Văn phòng HĐND và UBND, UBND huyện Mỹ Xuyên	Chuyên viên (mã số 01.003)			Vắng	Vắng	
XIII	Pháp chế, Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Pháp chế, Sở Kế hoạch và Đầu tư: 03 người															
1	N4-067	Nhóm 4	Huỳnh Thái Bình	An		11/01/1995	901/5 Quốc lộ 1A, khóm 3, phường 2, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Pháp chế	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Pháp chế, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên (mã số 01.003)			75	75	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
2	N4-068	Nhóm 4	Mai Đào An	Duy	23/5/1997		67 Văn Ngọc Chính, khóm 9, phường 3, TP. Sóc Trăng, Sóc Trăng	Kinh	Pháp chế	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Pháp chế, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên (mã số 01.003)			55	55	
3	N4-069	Nhóm 4	Nguyễn Hằng	Ny		06/11/1997	Bừu 1, Long Điền Đông, Đông Hải, Bạc Liêu	Kinh	Pháp chế	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch, Pháp chế, Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chuyên viên (mã số 01.003)			57	57	
XIV Quản lý về năng lượng, Phòng Quản lý Năng lượng, Sở Công Thương: 02 người																
1	N7-070	Nhóm 7	Huỳnh Đăng	Khánh	17/12/1992		294/11 Điện Biên Phủ, phường 6, TP. Sóc Trăng	Hoa	Quản lý về năng lượng	Phòng Quản lý Năng lượng, Sở Công thương	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	76	81	
2	N7-071	Nhóm 7	Thạch Hoàng	Phương	17/8/1988		Sóc Mới, Long Phú, Long Phú, Sóc Trăng	Khmer	Quản lý về năng lượng	Phòng Quản lý Năng lượng, Sở Công thương	Chuyên viên (mã số 01.003)	Dân tộc thiểu số	5	58	63	
XV Quản lý thương mại - dịch vụ, Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công Thương: 01 người																
1	N7-072	Nhóm 7	Đặng Thị Ngọc	Lợi		20/02/1989	Tân Lợi, Tân Thành, Lai Vung, Đồng Tháp	Kinh	Quản lý thương mại - dịch vụ	Phòng Quản lý Thương mại, Sở Công thương	Chuyên viên (mã số 01.003)			76	76	
XVI Theo dõi xây dựng nông thôn mới, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Mỹ Tú: 03 người																
1	N8-073	Nhóm 8	Châu Thị Thu	Tạo		19/8/1996	Phước Thới A, Mỹ Phước, Mỹ Tú, Sóc Trăng	Kinh	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			64	64	
2	N8-074	Nhóm 8	Cao Văn	Tuấn	14/4/1982		Long Phú, Long Phú, Hậu Giang	Kinh	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			66	66	

TT	Số báo danh Vòng 2	Nhóm thi	Họ và chữ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh		Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Vị trí việc làm dự tuyển	Đơn vị tuyển dụng	Ngạch dự tuyển (mã ngạch)	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm môn Nghiệp vụ chuyên ngành (Vòng 2)	Tổng điểm	Ghi chú
					Nam	Nữ										
3	N8-075	Nhóm 8	Dương Hồng	Tươi		28/6/1994	Giồng Cát, Phú Tâm, Châu Thành, Sóc Trăng	Kinh	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Mỹ Tú	Chuyên viên (mã số 01.003)			70	70	